

Số: **03/2024/QĐST-HNGĐ**

Bình Chánh, ngày 02 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 985/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đ T Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp 5, xã ĐP, HBC, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông **N T D**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp 5, xã ĐP, HBC, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Đ T Đ** và ông **N T D**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: **Đ T Đ** và ông **N T D** đồng ý ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2011 của Ủy ban nhân dân xã A PTT, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 14/02/2010 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: Bà **Đ T Đ** và ông **N T D** xác nhận có 02 con chung tên **N T M** (Nữ), sinh ngày: 27/7/2011 và **N H V** (Nam), sinh ngày: 07/10/2014. Hiện trẻ **My** và trẻ **Vương** đang sống cùng với ông **D**. Bà **Đ** và ông **D** cùng thống nhất giao trẻ **N T M** (Nữ), sinh ngày: 27/7/2011 và **N H V** (Nam), sinh ngày: 07/10/2014 cho ông **D** nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông **D** không yêu cầu bà **Đ** cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà **Đ**.

Bà **Đ T Đ** có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp

đưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung: Bà Đ T Đ và ông N T D xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Đ T Đ và ông N T D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Đ T Đ tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Đ T Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0020777 ngày 020/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Đ T Đ được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKSND H. Bình Chánh.
- Chi cục THADS H. Bình Chánh.
- Cơ quan đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN
(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Vân Hương